TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 142/2021/QĐST-HNGĐ	*Thái Thụy, ngày 31 tháng 08 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 81/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2021; thụ lý bổ sung yêu cầu chia tài sản số 81A/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2021giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân T1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm xxx, thôn Thôn Đ1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Xóm xxx, thôn H2, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình.

-Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 08 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 08 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Xuân T1 và chị Nguyễn Thị H1.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: -Anh T1- chị H1 đều xác định: Vợ chồng có hai con chung

là Phạm Ngọc H3, sinh ngày 27 tháng 05 năm 2010; Phạm Thị G1, sinh ngày 16 tháng 03 năm 2015.

-Anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc H3; chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thị G1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2.Về tài sản chung : Anh T1, chị H1 thống nhất xác định: Tổng giá trị thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xxx, diện tích 237 m^2 tại thôn H2, xã xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình và giá trị tài sản nhà ở, tài sản trên đất khác là 200.000.000đồng.

-Chị H1 được quyền sử dụng thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xxx, diện tích 237 m^2 tại thôn H2, xã xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; thửa đất đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình cấp *"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất "* số xxx ngày 20 tháng 05 năm 2016; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Phạm Xuân T1, bà Nguyễn Thị H1. Chị H1 được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất số 32 gồm: 01 ngôi nhà 03 gian mái chảy, lợp ngói; 01 bể nước kích thước 1,5m x 2,5m; nhà mái tôn kích thước 7,9m x 4,4m; 01 văng che trước cổng bằng bê tông cốt thép kích thước 3,8m x 1,8m; 01 gian nhà kho kích thước 3,8m x 3 m; 01 chuồng lợn (và nhà vệ sinh) kích thước 6,2m x 2,9m và toàn bộ tường dậu bao quanh.

-Gía trị tài sản chị H1 nhận là 200.000.000đồng. Chị H1 thanh toán cho anh T1 số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) khoản tiền chênh lệch tài sản.

-Các đương sự được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục xác lập quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

-Các tài sản khác: Chị H1- anh T1 không yêu cầu giải quyết.

2.3). Về án phí:

-Anh T1 phải nộp 75.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 2.500.000đồng án phí tương ứng với giá trị phần tài sản được chia; cộng là 2.575.000đồng án phí; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003892 ngày 05 tháng 04 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Anh T1 còn phải nộp 2.275.000đồng đồng án phí.

-Chị H1 phải nộp 75.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 2.500.000đồng án phí tương ứng với giá trị phần tài sản được chia; cộng là 2.575.000đồng án phí; được trừ vào số tiền 2.370.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003945 ngày 15 tháng 06 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị H1 còn phải nộp 205.000đồng đồng án phí.

2.4). Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND huyện Thái Thụy;
- Ủy ban nhân dân xã ....., tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tòng